

Unit 9: World Englishes

WORD	PRONUNCIATION	MEANING
bilingual (adj)	/baɪˈlɪŋɡwəl/	sử dụng được hai ngôn ngữ
borrowed word	/ˈbɒrəʊ wɜːd/	từ mượn
concentric (adj)	/kənˈsentɹɪk/	đồng tâm
consist (v)	/kənˈsɪst/	bao gồm
copy (v)	/ˈkɒpi/	chép lại
establish (v)	/ɪˈstæblɪʃ/	thành lập
exchange student	/ɪksˈtʃeɪndʒ stjuːdnt/	học sinh trao đổi
Expanding Circle	/ɪkˈspændɪŋ sɜːkl/	vòng tròn mở rộng
first language (n)	/ˌfɜːst ˈlæŋɡwɪdʒ/	ngôn ngữ thứ nhất
fluent (adj)	/ˈfluːənt/	trôi chảy; thành thạo
go over	/ɡəʊ ˈəʊvəl/	ôn tập lại
immigrant (n)	/ˈɪmɪɡrənt/	người nhập cư
Inner Circle	/ˌɪnə ˈsɜːkl/	vòng tròn bên trong
look up	/lʊk ʌp/	tra (từ điển)
mean (v)	/miːn/	nghĩa là
model (n)	/ˈmɒdl/	mô hình
official language (n)	/ˌɒfɪʃl ˈlæŋɡwɪdʒ/	ngôn ngữ chính thức
Outer Circle	/ˌaʊtə ˈsɜːkl/	vòng tròn bên ngoài
pick up	/pɪk ʌp/	học (ngôn ngữ tự nhiên)

propose (v)	/prə'pəʊz/	đề xuất
second language (n)	/,sekənd 'læŋgwɪdʒ/	ngôn ngữ thứ hai
standard (n)	/'stændəd/	chuẩn mực
translate (v)	/trænz'leɪt/	dịch
variety (n)	/və'raɪəti/	biến thể
vocabulary (n)	/və'kæbjələri/	từ vựng

Unit 10: Planet Earth

WORD	PRONUNCIATION	MEANING
affect (v)	/ə'fekt/	gây ảnh hưởng
appreciate (v)	/ə'pri:ʃieɪt/	đánh giá cao
climate change (n)	/'klaɪmət tʃeɪndʒ/	biến đổi khí hậu
droppings (n)	/'drɒpɪŋz/	phân (động vật)
essential (adj)	/ɪ'senʃl/	vô cùng quan trọng
ecological balance	/'i:kə'lɒdʒɪkl 'bæləns/	cân bằng sinh thái
fascinating (adj)	/'fæsɪneɪtɪŋ/	rất thú vị và hấp dẫn
fertilizer (n)	/'fɜ:təlaɪzə/	phân bón
food chain (n)	/'fu:d tʃeɪn/	chuỗi thức ăn
grassland (n)	/'grɑ:slænd/	khu vực đồng cỏ
habitat (n)	/'hæbɪtæt/	môi trường sống của động thực vật
harm (v)	/hɑ:m/	làm hại
landform (n)	/'lændfɔ:m/	dạng địa hình, địa mạo
nature reserve (n)	/'neɪtʃə rɪzɜ:v/	khu bảo tồn thiên nhiên
observe (v)	/əb'zɜ:v/	quan sát, chú ý
orbit (v)	/'ɔ:bit/	quay quanh quỹ đạo
outer space (n)	/'aʊtə 'speɪs/	ngoài vũ trụ
pesticide (n)	/'pestɪsaɪd/	thuốc diệt cỏ
pole (n)	/pəʊl/	cực (bắc / nam)

preserve (v)	/prɪ'zɜ:v/	bảo tồn
threat (n)	/θret/	nỗi đe dọa
vital (adj)	/'vaɪtl/	quan trọng mức sống còn